



Teams

Final Standings

Place	Name	Points	ME	MF	MS	WE	WF	WS	Ind	TS
1	Harvard University	169	33	29	20	30	37	20	+203	1115
2	Notre Dame	161	24	28	36	20	26	27	+175	1095
3	Columbia/Barnard	149	26	31	11	28	23	30	+143	994
4	Princeton University	131	26	19	22	26	6	32	+34	942
5	Pennsylvania State University	130	21	22	33	21	23	10	+66	969
6	Ohio State University	111	25	24	18	25	19		+63	779
7	St. John's University	94	23		11	23	10	27	+15	693
8	Pennsylvania, University of	91	11	35	10	12	23		+53	622
9	Yale University	89	21		16	13	25	14	-4	674
10	Duke University	73	17		6	8	26	16	-48	593
11	Stanford University	69		9	5	11	23	21	-63	542
12	U.S. Air Force Academy	41		19		22			-50	319
13	Cornell University	36				17		19	-16	251
14	New York University	33		18	15				-85	296
15	Brandeis University	31			13			18	+53	200
16	Boston College	31	11	10	10				-40	240
17	Northwestern University	30				10	8	12	-97	302
18	Wayne State University	27			17		10		+12	170
19	U.C. San Diego	27		4	13	10			-112	282
20	M.I.T.	24	6	18					-76	213
21	UNC, Chapel Hill	22			9			13	-15	159
22	Temple University	22					11	11	-22	162
23	University of the Incarnate Word	20	20						-35	152
24	Johns Hopkins University	16	6	10					-35	145
25	Brown University	12					6	6	-82	111
26	Wagner College	11			11				-8	78
27	Cleveland State	6	6						-29	69

OFFICIAL NCAA® CORPORATE PARTNERS





Men's Saber

Final Standings



Place	Name	School	V	Pct.	TS	TR	Ind
1	Luke Linder	Notre Dame	22	0.957	113	50	+63
2	Neil Lilov	Penn State	19	0.826	105	60	+45
3T	Eyad Marouf	Wayne State	17	0.739	97	66	+31
3T	Luca Fioretto	Ohio State	18	0.783	106	71	+35
5	Jordan Silberzweig	Yale	16	0.696	95	66	+29
6	Kamar Skeete	Penn State	14	0.609	89	74	+15
7	Alexandre Lacaze	Notre Dame	14	0.609	95	82	+13
8	Antonio Escueta	Brandeis	13	0.565	91	73	+18
9	Matthew Linsky	Harvard	13	0.565	88	81	+7
10	Matthew Limb	Princeton	12	0.522	80	79	+1
11	Ahmed Ferjani	St. John's	11	0.478	92	82	+10
12	Jackson McBride	Columbia/Barnard	11	0.478	84	90	-6
13	Flavio Vinci	Wagner	11	0.478	78	86	-8
14	Andrew Johnson	Princeton	10	0.435	85	90	-5
15	Gian Dhingra	Pennsylvania	10	0.435	81	94	-13
16	Luca Berman	Boston College	10	0.435	75	92	-17
17	Elden Wood	North Carolina	9	0.391	71	98	-27
18	Kevin Zu	N.Y.U.	8	0.348	72	96	-24
19	Arnav Raja	U.C. San Diego	8	0.348	67	99	-32
20	Kevin Sohn	Harvard	7	0.304	76	97	-21
21	Jerry Pan	N.Y.U.	7	0.304	70	97	-27
22	Samir Travers	Duke	6	0.261	81	102	-21
23	Hananiah So	U.C. San Diego	5	0.217	67	98	-31
24	Jared Hammerstrom	Stanford	5	0.217	65	100	-35

OFFICIAL NCAA® CORPORATE PARTNERS



2024 NCAA Championships

Men's Saber

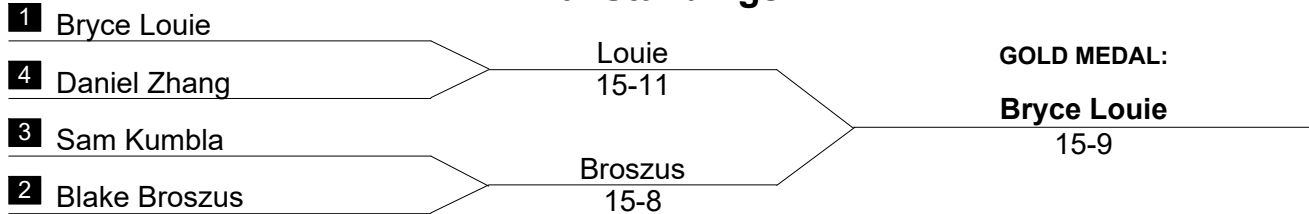
Final Table and Standings

Name	School	#	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	V	TS	TR	Ind	PI
Samir Travers	Duke	1	█	3	4	1	3	1	V5	4	2	2	V5	4	4	4	V5	V5	3	3	V5	3	4	V5	4	2	6	81	102	-21	22
Flavio Vinci	Wagner	2	V5	█	1	1	V5	V5	3	V5	V5	V5	1	4	1	2	1	V5	V5	V5	4	0	V5	2	3	V5	11	78	86	-8	13
Kamar Skeete	Penn State	3	V5	V5	█	2	V5	V5	V5	V5	3	2	V5	V5	2	V5	V5	V5	3	V5	2	0	V5	V5	2	3	14	89	74	+15	6
Neil Lilov	Penn State	4	V5	V5	V5	█	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	2	1	V5	3	4	V5	V5	V5	V5	19	105	60	+45	2	
Jared Hammerstrom	Stanford	5	V5	2	0	2	█	2	4	V5	4	2	2	1	2	4	0	V5	2	V5	4	2	3	2	V5	2	5	65	100	-35	24
Antonio Escueta	Brandeis	6	V5	1	1	3	V5	█	V5	4	3	4	V5	V5	0	V5	V5	V5	V5	V5	V5	3	3	4	V5	V5	13	91	73	+18	8
Jerry Pan	N.Y.U.	7	3	V5	1	2	V5	3	█	3	3	0	V5	V5	V5	V5	1	3	1	3	0	4	3	4	1	V5	7	70	97	-27	21
Kevin Zu	N.Y.U.	8	V5	2	3	3	1	V5	V5	█	1	V5	V5	1	1	4	3	V5	1	2	4	0	3	V5	3	V5	8	72	96	-24	18
Eyad Marouf	Wayne State	9	V5	0	V5	3	V5	V5	V5	V5	█	3	V5	V5	1	2	V5	V5	V5	V5	V5	3	V5	V5	V5	V5	17	97	66	+31	3T
Luca Fioretto	Ohio State	10	V5	3	V5	3	V5	V5	V5	2	V5	█	V5	4	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	4	V5	V5	18	106	71	+35	3T
Hananiah So	U.C. San Diego	11	2	V5	3	4	V5	0	1	1	2	2	█	V5	4	V5	3	4	2	4	2	0	V5	3	2	3	5	67	98	-31	23
Arnav Raja	U.C. San Diego	12	V5	V5	3	2	V5	0	2	V5	1	V5	1	█	1	2	4	V5	V5	4	3	0	V5	2	1	1	8	67	99	-32	19
Jordan Silberzweig	Yale	13	V5	V5	V5	0	V5	V5	3	V5	V5	3	V5	V5	█	1	V5	V5	V5	V5	1	4	V5	V5	V5	3	16	95	66	+29	5
Jackson McBride	Columbia/Barnard	14	V5	V5	0	3	V5	1	3	V5	V5	3	4	V5	V5	█	V5	2	1	V5	2	4	4	V5	V5	2	11	84	90	-6	12
Matthew Linsky	Harvard	15	4	V5	4	3	V5	3	V5	V5	0	0	V5	V5	2	2	█	V5	V5	V5	V5	1	V5	V5	V5	4	13	88	81	+7	9
Kevin Sohn	Harvard	16	4	2	2	V5	1	4	V5	2	4	2	V5	4	3	V5	3	█	V5	4	V5	2	2	V5	2	0	7	76	97	-21	20
Ahmed Ferjani	St. John's	17	V5	4	V5	V5	V5	4	V5	V5	3	4	V5	3	3	V5	4	1	█	1	V5	3	V5	V5	4	3	11	92	82	+10	11
Luca Berman	Boston College	18	V5	3	2	2	2	1	V5	V5	0	3	V5	V5	2	2	0	V5	V5	█	4	1	V5	3	V5	V5	10	75	92	-17	16
Alexandre Lacaze	Notre Dame	19	3	V5	V5	V5	V5	1	V5	V5	3	3	V5	V5	V5	V5	3	3	4	V5	█	4	1	V5	V5	V5	14	95	82	+13	7
Luke Linder	Notre Dame	20	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	3	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	█	V5	V5	V5	V5	22	113	50	+63	1
Gian Dhingra	Pennsylvania	21	V5	4	3	1	V5	V5	V5	V5	2	4	0	3	1	V5	3	V5	2	3	V5	2	█	V5	3	V5	10	81	94	-13	15
Elden Wood	North Carolina	22	1	V5	2	1	V5	V5	V5	4	1	V5	V5	V5	2	3	2	2	2	V5	3	0	2	█	V5	1	9	71	98	-27	17
Andrew Johnson	Princeton	23	V5	V5	V5	3	3	1	V5	V5	2	4	V5	V5	2	4	4	V5	V5	1	4	3	V5	4	█	0	10	85	90	-5	14
Matthew Limb	Princeton	24	V5	2	V5	1	V5	2	1	1	2	2	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	2	1	2	4	V5	V5	█	12	80	79	+1	10



Men's Foil

Final Standings



Place	Name	School	V	Pct.	TS	TR	Ind
1	Bryce Louie	Pennsylvania	19	0.826	103	60	+43
2	Blake Broszus	Pennsylvania	16	0.696	105	71	+34
3T	Daniel Zhang	Harvard	16	0.696	92	75	+17
3T	Sam Kumbala	Columbia/Barnard	16	0.696	96	70	+26
5	Zach Binder	Columbia/Barnard	15	0.652	96	71	+25
6	Marcello Olivares	Notre Dame	14	0.609	96	75	+21
7	Edriss Ndiaye	Ohio State	14	0.609	94	76	+18
8	Ziyuan Chen	Notre Dame	14	0.609	90	75	+15
9	Jack Griffith	Air Force	14	0.609	94	85	+9
10	James Chen	Harvard	13	0.565	92	73	+19
11	Tit Nam Cheng	Penn State	12	0.522	91	85	+6
12	Henry Zhang	M.I.T.	11	0.478	78	92	-14
13	Arwen Borowiak	Penn State	10	0.435	86	85	+1
14	Alan Zheng	Johns Hopkins	10	0.435	82	86	-4
15	Ethan Um	Princeton	10	0.435	84	93	-9
16	Justin Vogler	Ohio State	10	0.435	83	95	-12
17	Adam Wong	N.Y.U.	10	0.435	82	96	-14
18	Elijah Onik	Boston College	10	0.435	80	95	-15
19	David Prilutsky	Princeton	9	0.391	81	90	-9
20	Sanjay Kasi	Stanford	9	0.391	80	91	-11
21	Farr Dickson	N.Y.U.	8	0.348	72	92	-20
22	Andy Zhang	M.I.T.	7	0.304	65	98	-33
23	Jaewon Jang	Air Force	5	0.217	55	104	-49
24	Scott Lao	U.C. San Diego	4	0.174	62	106	-44

OFFICIAL NCAA® CORPORATE PARTNERS



2024 NCAA Championships

Men's Foil

Final Table and Standings

Name	School	#	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	V	TS	TR	Ind	PI
David Prilutsky	Princeton	1	█	4	4	V5	V5	1	2	V5	4	V5	3	0	1	V5	2	4	V5	V5	4	3	V5	1	3	V5	9	81	90	-9	19
Ethan Um	Princeton	2	V5	█	4	1	3	1	2	4	V5	V5	V5	V5	V5	V5	3	V5	V5	V5	0	2	4	2	4	4	10	84	93	-9	15
Adam Wong	N.Y.U.	3	V5	V5	█	3	4	1	V5	V5	4	3	V5	1	V5	4	V5	V5	1	4	3	1	1	V5	2	V5	10	82	96	-14	17
Farr Dickson	N.Y.U.	4	1	V5	V5	█	3	3	2	3	V5	V5	V5	2	1	3	2	2	1	V5	2	V5	2	V5	1	4	8	72	92	-20	21
Blake Broszus	Pennsylvania	5	4	V5	V5	V5	█	V5	V5	4	V5	V5	V5	2	4	V5	V5	V5	3	4	V5	4	V5	V5	V5	V5	16	105	71	+34	2
Bryce Louie	Pennsylvania	6	V5	V5	V5	V5	2	█	V5	V5	V5	V5	4	V5	V5	1	V5	V5	V5	V5	V5	1	V5	V5	V5	V5	19	103	60	+43	1
Arwen Borowiak	Penn State	7	V5	V5	4	V5	2	2	█	4	3	3	4	2	V5	V5	3	V5	2	1	3	V5	V5	V5	3	V5	10	86	85	+1	13
Tit Nam Cheng	Penn State	8	4	V5	2	V5	V5	3	V5	█	V5	V5	0	4	3	4	V5	4	4	V5	V5	0	3	V5	V5	V5	12	91	85	+6	11
Henry Zhang	M.I.T.	9	V5	3	V5	3	1	1	V5	1	█	4	V5	V5	3	0	0	V5	V5	V5	4	1	2	V5	V5	V5	11	78	92	-14	12
Andy Zhang	M.I.T.	10	1	2	V4	1	0	3	V5	1	V5	█	V5	1	2	1	3	0	V5	2	3	3	V5	4	4	V5	7	65	98	-33	22
Justin Vogler	Ohio State	11	V5	2	4	4	4	V5	V5	V5	2	2	█	V5	0	4	3	3	3	2	0	V5	V5	V5	V5	V5	10	83	95	-12	16
Edriss Ndiaye	Ohio State	12	V5	4	V5	V5	V5	3	V5	V5	3	V5	4	█	4	V5	1	2	2	V5	1	V5	V5	V5	V5	V5	14	94	76	+18	7
Ziyuan Chen	Notre Dame	13	V5	4	3	V5	V5	2	3	V5	V5	V5	V5	V5	█	V5	2	3	V4	V5	V5	V5	0	V5	2	2	14	90	75	+15	8
Marcello Olivares	Notre Dame	14	4	3	V5	V5	2	V5	1	V5	V5	V5	V5	3	4	█	V5	3	4	V5	2	V5	V5	V5	V5	V5	14	96	75	+21	6
Sam Kumbla	Columbia/Barnard	15	V5	V5	4	V5	2	3	V5	0	V5	V5	V5	V5	V5	2	█	1	V5	V5	V5	V5	V5	V5	4	V5	16	96	70	+26	3T
Zach Binder	Columbia/Barnard	16	V5	1	4	V5	1	4	4	V5	3	V5	V5	V5	V5	V5	V5	█	V5	3	1	V5	V5	V5	V5	V5	15	96	71	+25	5
Alan Zheng	Johns Hopkins	17	2	1	V5	V5	V5	2	V5	V5	2	3	V5	V5	3	V5	0	2	█	4	4	2	V5	4	3	V5	10	82	86	-4	14
Elijah Onik	Boston College	18	1	4	V5	2	V5	2	V5	3	3	V5	V5	2	1	2	3	V5	V5	█	V5	4	V5	V5	2	1	10	80	95	-15	18
Daniel Zhang	Harvard	19	V5	V5	V5	V5	1	1	V5	2	V5	V5	V5	V5	2	V3	4	V2	V5	3	█	V5	4	V5	V5	V5	16	92	75	+17	3T
James Chen	Harvard	20	V5	V5	V5	2	V5	V5	2	V5	V5	V5	3	4	1	1	4	2	V5	V5	4	█	V5	V5	4	V5	13	92	73	+19	10
Sanjay Kasi	Stanford	21	1	V5	V5	V5	4	3	1	V5	V5	2	3	4	V5	3	3	2	2	4	V5	0	█	V5	3	V5	9	80	91	-11	20
Scott Lao	U.C. San Diego	22	V5	V5	1	1	2	3	1	2	3	V5	3	3	1	2	0	3	V5	3	4	1	3	█	3	3	4	62	106	-44	24
Jack Griffith	Air Force	23	V5	V5	V5	V5	4	1	V5	4	1	V5	3	2	V5	4	V5	2	V5	V5	3	V5	V5	V5	█	V5	14	94	85	+9	9
Jaewon Jang	Air Force	24	2	V5	2	V5	1	1	2	2	4	1	3	1	V5	1	2	1	0	V5	2	1	2	V5	2	█	5	55	104	-49	23



Men's Epée

Final Standings



Place	Name	School	V	Pct.	TS	TR	Ind
1	Tristan Szapary	Princeton	16	0.696	98	71	+27
2	Jonathan Hamilton-Meikle	Notre Dame	16	0.696	105	78	+27
3T	Henry Lawson	Harvard	17	0.739	99	69	+30
3T	Allen Marakov	Duke	17	0.739	107	80	+27
5	Justin Haddad	Columbia/Barnard	16	0.696	95	77	+18
6	Mihir Kumashi	Harvard	16	0.696	97	80	+17
7	Paul Veltrup	Ohio State	15	0.652	97	81	+16
8	Paul Fortin	St. John's	15	0.652	91	78	+13
9	Rico Braun	U.I.W.	14	0.609	91	82	+9
10	Theodore Vinnitchouk	Yale	13	0.565	97	86	+11
11	Tingwei Xu	Penn State	12	0.522	84	78	+6
12	Joey Wu	Pennsylvania	11	0.478	89	91	-2
13	Levi Hughes	Boston College	11	0.478	85	93	-8
14	Alec Brooke	Princeton	10	0.435	81	83	-2
15	Skyler Liverant	Columbia/Barnard	10	0.435	88	93	-5
16	Miles Weiss	Ohio State	10	0.435	83	92	-9
17	Devin Tafoya	Penn State	9	0.391	82	88	-6
18	Valentin Matveev	Notre Dame	8	0.348	85	94	-9
19	Thomas Whelan	Yale	8	0.348	81	91	-10
20	Daniil Mazur	St. John's	8	0.348	81	98	-17
21	Wilson Zhu	M.I.T.	6	0.261	70	99	-29
22	Jesse Ndjeka	Cleveland State	6	0.261	69	98	-29
23	Jorge Gana	Johns Hopkins	6	0.261	63	94	-31
24	Julian Spier	U.I.W.	6	0.261	61	105	-44

OFFICIAL NCAA® CORPORATE PARTNERS



2024 NCAA Championships

Men's Epée

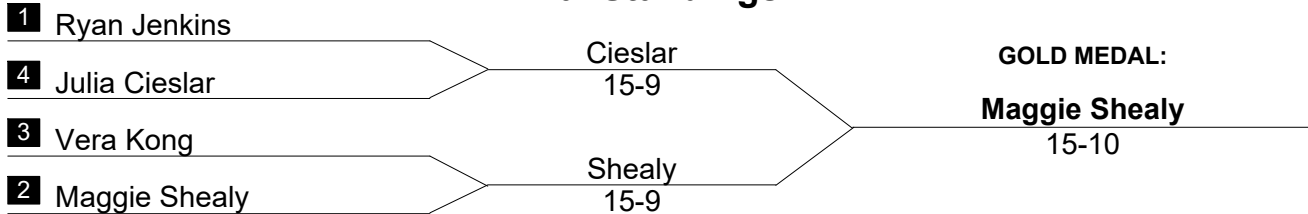
Final Table and Standings

Name	School	#	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	V	TS	TR	Ind	PI	
Valentin Matveev	Notre Dame	1	█	V5	V5	3	4	3	3	V5	V5	0	2	V5	3	4	4	3	V5	2	V5	4	4	3	V5	3	8	85	94	-9	18	
Jonathan Hamilton-Meikle	Notre Dame	2	3	█	V5	4	V5	V5	V5	V5	V5	4	V5	V5	V5	4	4	V5	V5	V5	V5	3	V5	V5	3	V5	16	105	78	+27	2	
Devin Tafoya	Penn State	3	1	3	█	V2	V5	4	3	V5	V5	V5	4	V5	4	4	4	1	2	V5	V5	V3	4	3	3	2	9	82	88	-6	17	
Tingwei Xu	Penn State	4	V4	V5	1	█	V5	V5	V5	4	3	1	V5	V5	V5	V4	3	2	V5	4	V5	2	3	V5	1	2	12	84	78	+6	11	
Julian Spier	U.I.W.	5	V5	2	4	2	█	2	2	V5	1	V4	1	0	1	1	2	1	4	V5	V5	1	3	3	V5	2	6	61	105	-44	24	
Rico Braun	U.I.W.	6	V5	3	V5	4	V5	█	0	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	0	1	4	4	3	V5	2	V5	V5	14	91	82	+9	9	
Paul Fortin	St. John's	7	V5	3	V5	1	V5	V5	█	V5	V5	V5	V5	V5	3	V4	V5	V5	V5	4	2	V5	2	V5	0	2	15	91	78	+13	8	
Daniil Mazur	St. John's	8	2	4	2	V5	4	2	4	█	2	V5	4	V5	3	1	V4	1	V5	4	V5	V5	2	4	V5	3	8	81	98	-17	20	
Jesse Ndjeka	Cleveland State	9	1	1	0	V5	V5	1	4	V5	█	V4	2	2	4	V5	2	2	3	3	2	4	3	V5	4	2	6	69	98	-29	22	
Jorge Gana	Johns Hopkins	10	V5	1	1	V2	3	0	4	3	3	█	2	V5	V5	V5	3	3	3	1	2	0	3	V5	2	2	6	63	94	-31	23	
Paul Veltrup	Ohio State	11	V5	V5	V5	4	V5	2	3	V5	V5	V5	█	3	V5	2	3	V5	V5	V5	V5	1	V5	V5	V5	4	15	97	81	+16	7	
Miles Weiss	Ohio State	12	2	3	3	2	V5	0	3	4	V4	4	V4	█	V4	V5	3	V5	V5	V5	4	4	3	1	V5	V5	10	83	92	-9	16	
Theodore Vinnitchouk	Yale	13	V5	3	V5	3	V5	4	V5	V4	V5	4	4	3	█	V5	3	4	V5	V5	V5	1	4	V5	V5	V5	13	97	86	+11	10	
Thomas Whelan	Yale	14	V5	3	V5	3	V5	4	3	V5	2	0	V5	4	2	█	3	4	V5	3	V5	V3	4	3	3	2	8	81	91	-10	19	
Mihir Kumashi	Harvard	15	V5	V5	V5	V4	V5	4	3	3	V5	V5	V5	V5	V5	█	3	V5	V5	V5	4	4	V5	V1	1	16	97	80	+17	6		
Henry Lawson	Harvard	16	V5	V5	V5	V5	V5	V5	1	V5	V5	V5	2	4	V5	V5	V5	█	V5	V5	V5	4	1	V5	V4	3	17	99	69	+30	3T	
Wilson Zhu	M.I.T.	17	3	2	V5	3	V5	V5	0	3	V5	V4	3	3	2	1	3	0	█	V5	4	4	2	4	2	2	6	70	99	-29	21	
Levi Hughes	Boston College	18	V5	3	3	V5	3	V5	V5	V5	V5	V5	1	2	2	V4	2	3	1	█	4	4	V5	V5	V5	3	11	85	93	-8	13	
Skyler Liverant	Columbia/Barnard	19	4	4	2	1	2	V5	V3	4	V5	V5	4	V5	4	4	4	3	V5	V5	█	4	V5	1	V5	V4	10	88	93	-5	15	
Justin Haddad	Columbia/Barnard	20	V5	V5	2	V5	V5	V5	3	1	V5	V5	V5	V5	V5	2	V5	V5	V5	V5	V5	█	3	3	V5	1	16	95	77	+18	5	
Allen Marakov	Duke	21	V5	4	V5	V5	V5	4	V5	V5	V5	V5	4	V5	V5	V5	V5	V5	V5	3	3	V5	█	4	V5	V5	17	107	80	+27	3T	
Joey Wu	Pennsylvania	22	V5	2	V5	3	V5	V5	4	V5	4	3	1	V5	3	V5	3	3	V5	3	V5	V5	V5	█	2	3	11	89	91	-2	12	
Alec Brooke	Princeton	23	4	V5	V5	V4	4	4	V5	2	V5	V5	4	3	2	V5	0	2	V5	2	0	3	2	V5	█	V5	10	81	83	-2	14	
Tristan Szapary	Princeton	24	V5	2	V5	V3	V5	3	V5	V5	V4	V5	V5	3	4	V5	V5	V5	V5	V5	V5	3	V5	3	V5	3	█	16	98	71	+27	1



Women's Saber

Final Standings



Place	Name	School	V	Pct.	TS	TR	Ind
1	Maggie Shealy	Brandeis	18	0.783	109	74	+35
2	Julia Cieslar	St. John's	14	0.609	92	75	+17
3T	Ryan Jenkins	Princeton	18	0.783	102	62	+40
3T	Vera Kong	Columbia/Barnard	16	0.696	98	67	+31
5	Atara Greenbaum	Notre Dame	14	0.609	93	79	+14
6	Tamar Gordon	Columbia/Barnard	14	0.609	92	78	+14
7	Alexandra Lee	Princeton	14	0.609	90	77	+13
8	Sydney Hirsch	Yale	14	0.609	91	83	+8
9	Jadeyn Williams	Notre Dame	13	0.565	92	77	+15
10	Sophia Kovacs	North Carolina	13	0.565	88	76	+12
11	Catinca Dumitru	St. John's	13	0.565	92	87	+5
12	Zoe Kim	Harvard	13	0.565	88	84	+4
13	Kunling Tong	Duke	12	0.522	92	84	+8
14	Joy Yun	Stanford	11	0.478	89	91	-2
15	Lauren Johnson	Temple	11	0.478	86	91	-5
16	Isabela Carvalho	Cornell	11	0.478	84	92	-8
17	Aleksandra Strzalkowski	Penn State	10	0.435	79	87	-8
18	Casey Chan	Stanford	10	0.435	77	92	-15
19	Stella Berman	Cornell	8	0.348	73	95	-22
20	Chloe Williams	Harvard	7	0.304	81	98	-17
21	Levi Hoogendoorn	Northwestern	6	0.261	74	101	-27
22	Megumi Oishi	Northwestern	6	0.261	74	106	-32
23	Alexandra Tzou	Brown	6	0.261	61	96	-35
24	Natalie Olsen	Duke	4	0.174	62	107	-45

OFFICIAL NCAA® CORPORATE PARTNERS



2024 NCAA Championships

Women's Saber

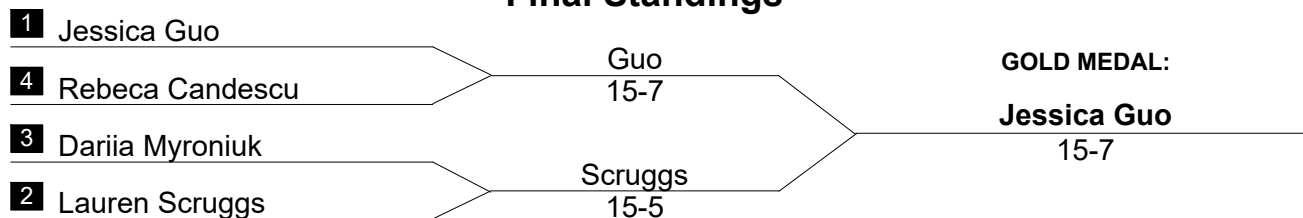
Final Table and Standings

Name	School	#	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	V	TS	TR	Ind	PI
Jadeyn Williams	Notre Dame	1	■	3	V5	2	V5	1	V5	V5	2	V5	V5	V5	2	4	V5	V5	V5	V5	4	3	V5	V5	2	4	13	92	77	+15	9
Atara Greenbaum	Notre Dame	2	V5	■	V5	2	V5	V5	V5	V5	1	V5	4	V5	4	V5	V5	4	V5	2	3	V5	0	3	V5	V5	14	93	79	+14	5
Tamar Gordon	Columbia/Barnard	3	2	3	■	1	V5	V5	V5	4	3	2	1	V5	4	V5	V5	V5	V5	2	V5	V5	V5	V5	V5	V5	14	92	78	+14	6
Vera Kong	Columbia/Barnard	4	V5	V5	V5	■	2	3	3	V5	V5	V5	V5	2	V5	3	V5	V5	3	V5	2	V5	V5	V5	V5	V5	16	98	67	+31	3T
Alexandra Lee	Princeton	5	0	4	0	V5	■	1	V5	3	V5	V5	4	V5	V5	4	1	V5	V5	V5	3	V5	V5	V5	V5	V5	14	90	77	+13	7
Ryan Jenkins	Princeton	6	V5	2	1	V5	V5	■	V5	3	V5	V5	V5	V5	2	V5	V5	V5	V5	V5	V5	4	V5	V5	V5	V5	18	102	62	+40	3T
Stella Berman	Cornell	7	2	3	3	V5	1	2	■	4	3	V5	2	2	V5	1	V5	V5	1	3	V5	2	2	V5	2	V5	8	73	95	-22	19
Isabela Carvalho	Cornell	8	2	2	V5	4	V5	V5	V5	■	1	V5	3	V5	3	2	V5	3	V5	0	V5	V5	V5	3	4	2	11	84	92	-8	16
Zoe Kim	Harvard	9	V5	V5	V5	1	3	1	V5	V5	■	V5	V5	2	V5	4	V5	3	V5	3	1	V5	V5	V5	3	2	13	88	84	+4	12
Chloe Williams	Harvard	10	3	2	V5	2	4	4	2	3	2	■	V5	V5	2	4	V5	V5	V5	3	1	V5	4	2	4	4	7	81	98	-17	20
Kunling Tong	Duke	11	3	V5	V5	2	V5	4	V5	V5	4	4	■	V5	1	V5	V5	V5	0	3	V5	4	3	V5	V5	4	12	92	84	+8	13
Natalie Olsen	Duke	12	1	1	1	1	2	2	V5	2	V5	4	1	■	4	4	V5	V5	3	1	4	3	2	0	2	4	4	62	107	-45	24
Maggie Shealy	Brandeis	13	V5	V5	V5	V5	4	V5	4	V5	3	V5	V5	V5	■	V5	V5	V5	V5	V5	V5	4	4	V5	V5	V5	18	109	74	+35	1
Sydney Hirsch	Yale	14	V5	1	2	3	V5	0	V5	V5	V5	V5	3	V5	3	■	V5	4	V5	V5	1	4	V5	V5	V5	V5	14	91	83	+8	8
Levi Hoogendoorn	Northwestern	15	1	4	2	V5	V5	3	1	1	2	2	3	4	4	4	■	4	0	V5	V5	2	V5	4	3	V5	6	74	101	-27	21
Megumi Oishi	Northwestern	16	4	V5	4	3	1	2	3	V5	V5	3	0	4	4	V5	V5	■	V5	0	4	3	4	2	3	0	6	74	106	-32	22
Alexandra Tzou	Brown	17	1	2	3	3	0	2	V5	2	2	1	V5	V5	3	3	V5	3	■	0	3	1	V5	1	1	V5	6	61	96	-35	23
Sophia Kovacs	North Carolina	18	3	V5	V5	V5	3	1	V5	V5	V5	V5	V5	V5	1	4	3	V5	V5	■	1	V5	4	2	V5	1	13	88	76	+12	10
Julia Cieslar	St. John's	19	V5	V5	1	1	V5	0	4	4	V5	V5	3	V5	3	V5	4	V5	V5	V5	■	V5	2	V5	V5	V5	14	92	75	+17	2
Catinca Dumitru	St. John's	20	V5	4	4	V5	2	V5	V5	3	3	2	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	2	0	■	3	V5	4	V5	13	92	87	+5	11
Lauren Johnson	Temple	21	1	V5	2	1	4	4	V5	3	4	V5	V5	V5	V5	2	1	V5	4	V5	V5	V5	■	2	3	V5	11	86	91	-5	15
Aleksandra Strzalkowski	Penn State	22	4	V5	3	2	2	3	2	V5	4	V5	2	V5	2	1	V5	V5	V5	V5	0	2	V5	■	V5	2	10	79	87	-8	17
Joy Yun	Stanford	23	V5	1	4	3	3	3	V5	V5	V5	V5	3	V5	3	0	V5	V5	V5	4	3	V5	V5	3	■	4	11	89	91	-2	14
Casey Chan	Stanford	24	V5	2	3	1	1	1	1	V5	V5	V5	V5	V5	2	1	4	V5	3	V5	2	3	3	V5	V5	■	10	77	92	-15	18



Women's Foil

Final Standings



Place	Name	School	V	Pct.	TS	TR	Ind
1	Jessica Guo	Harvard	20	0.870	107	45	+62
2	Lauren Scruggs	Harvard	17	0.739	104	63	+41
3T	Rebeca Candescu	Notre Dame	15	0.652	92	61	+31
3T	Dariia Myroniuk	Ohio State	17	0.739	96	59	+37
5	Evelyn Cheng	Columbia/Barnard	15	0.652	95	71	+24
6	Crystal Qian	Stanford	14	0.609	92	70	+22
7	Kristina Petrova	Yale	14	0.609	88	67	+21
8	Christina Ferrari	Duke	13	0.565	93	85	+8
9	Charlotte Koenig	Duke	13	0.565	89	86	+3
10	Samantha Catantan	Penn State	12	0.522	93	79	+14
11	Sabrina Cho	Pennsylvania	12	0.522	80	80	+0
12	Arianna Proietti	Penn State	11	0.478	87	85	+2
13	Josephina Conway	Notre Dame	11	0.478	74	75	-1
14	Katina Proestakis Ortiz	Pennsylvania	11	0.478	82	92	-10
15	Anna Novoseltseva	Temple	11	0.478	76	93	-17
16	Helen Tan	Yale	11	0.478	70	88	-18
17	Malwina Kolodziejczyk	St. John's	10	0.435	69	84	-15
18	Ludovica Mancini	Wayne State	10	0.435	73	92	-19
19	Arianna Cao	Stanford	9	0.391	64	86	-22
20	Rachael Kim	Columbia/Barnard	8	0.348	77	91	-14
21	Karina Vasile	Northwestern	8	0.348	71	95	-24
22	Elizabeth He	Princeton	6	0.261	61	98	-37
23	Anika Breker	Brown	6	0.261	50	97	-47
24	Alina Lee	Ohio State	2	0.087	63	104	-41

OFFICIAL NCAA® CORPORATE PARTNERS



2024 NCAA Championships

Women's Foil

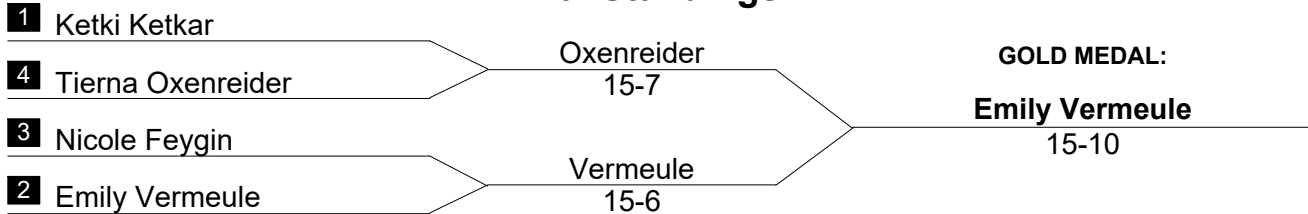
Final Table and Standings

Name	School	#	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	V	TS	TR	Ind	PI	
Arianna Cao	Stanford	1	█	V3	1	2	0	V5	3	1	V3	0	3	2	V5	V5	1	V5	2	2	V5	1	2	V5	V5	3	9	64	86	-22	19	
Crystal Qian	Stanford	2	1	█	1	V5	V5	V4	3	4	V3	4	V5	V5	2	V5	V5	2	V5	V5	4	V5	V5	V5	V5	4	14	92	70	+22	6	
Rebeca Candescu	Notre Dame	3	V5	V5	█	V5	V5	V5	2	2	V5	0	V5	4	V5	V5	V5	V5	V5	1	V5	2	2	4	V5	15	92	61	+31	3T		
Josephina Conway	Notre Dame	4	V5	1	1	█	0	1	V5	4	V5	0	1	V5	3	2	1	V5	V5	V5	1	4	V5	V5	V5	V5	11	74	75	-1	13	
Kristina Petrova	Yale	5	V5	2	0	V5	█	V5	3	2	3	V3	V5	3	V5	V5	V5	2	V5	V5	2	V5	V5	3	V5	V5	14	88	67	+21	7	
Helen Tan	Yale	6	1	3	2	V3	3	█	0	0	V5	1	V5	V5	V5	4	2	V5	1	V5	V5	0	V4	V5	V5	1	11	70	88	-18	16	
Lauren Scruggs	Harvard	7	V5	V5	V5	4	V5	V5	█	0	V5	4	V5	V5	4	V5	V5	4	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	3	17	104	63	+41	2
Jessica Guo	Harvard	8	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	█	V5	1	V5	V5	V5	V5	V5	4	V5	V5	3	V5	V4	V5	V5	V5	20	107	45	+62	1	
Alina Lee	Ohio State	9	2	2	1	4	V5	4	2	2	█	4	4	3	1	V5	2	3	1	3	1	4	2	4	3	1	2	63	104	-41	24	
Daria Myroniuk	Ohio State	10	V5	V5	V5	V1	2	V5	V5	V5	V5	█	2	V5	V5	V5	4	1	V5	V5	2	V5	V5	4	V5	V5	17	96	59	+37	3T	
Charlotte Koenig	Duke	11	V5	2	3	V5	2	3	0	2	V5	V5	█	4	V5	V5	V5	V5	4	V5	V5	V5	V5	V5	2	2	13	89	86	+3	9	
Christina Ferrari	Duke	12	V5	3	V5	4	V5	4	4	2	V5	4	V5	█	V5	V5	V5	0	3	V5	V5	V5	V5	1	3	V5	13	93	85	+8	8	
Ludovica Mancini	Wayne State	13	1	V5	1	V5	2	2	V5	2	V5	3	2	0	█	1	3	V5	V5	V4	1	3	V5	V5	3	V5	10	73	92	-19	18	
Karina Vasile	Northwestern	14	3	0	1	V5	1	V5	3	0	4	1	4	1	V5	█	2	4	V5	V3	V5	V5	V5	3	4	2	8	71	95	-24	21	
Arianna Proietti	Penn State	15	V5	4	2	V5	1	V5	2	2	V5	V5	3	3	V5	V5	█	V5	3	V5	4	2	V5	2	4	V5	11	87	85	+2	12	
Samantha Catantan	Penn State	16	4	V5	3	1	V5	3	V5	V5	V5	V5	4	V5	3	V5	3	█	V5	2	3	V5	V5	4	3	V5	12	93	79	+14	10	
Malwina Kolodziejczyk	St. John's	17	V5	1	2	1	2	V5	3	0	V5	1	V5	V5	2	0	V4	1	█	V5	1	V5	4	V5	V5	2	10	69	84	-15	17	
Anika Breker	Brown	18	V2	2	1	1	0	1	0	0	V3	2	2	2	4	2	3	V4	1	█	V5	V4	2	V5	2	2	6	50	97	-47	23	
Evelyn Cheng	Columbia/Barnard	19	3	V5	V5	V2	V5	2	3	V5	V5	V5	2	3	V5	4	V5	V5	V5	4	█	V5	V5	V5	V5	2	15	95	71	+24	5	
Rachael Kim	Columbia/Barnard	20	V5	3	0	V5	2	V5	4	1	V5	3	1	4	V5	3	V5	2	1	3	4	█	3	3	V5	V5	8	77	91	-14	20	
Elizabeth He	Princeton	21	V4	2	V5	1	4	2	0	3	V3	0	4	3	2	4	3	2	V5	V3	2	V4	█	3	2	0	6	61	98	-37	22	
Anna Novoseltseva	Temple	22	1	2	V5	2	V5	3	0	1	V5	V5	4	V5	2	V5	V5	V4	1	3	1	V5	V5	█	2	V5	11	76	93	-17	15	
Katina Proestakis Ortiz	Pennsylvania	23	4	0	V5	2	2	4	1	1	V5	3	V5	V5	V5	V5	V5	V5	2	V5	1	4	V5	V5	█	3	11	82	92	-10	14	
Sabrina Cho	Pennsylvania	24	V5	V5	2	2	1	V5	V5	1	V5	0	V5	3	4	V5	2	1	V5	V5	V5	0	V5	4	V5	█	12	80	80	+0	11	



Women's Epée

Final Standings



Place	Name	School	V	Pct.	TS	TR	Ind
1	Emily Vermeule	Harvard	16	0.696	104	75	+29
2	Tierna Oxenreider	Columbia/Barnard	16	0.696	82	57	+25
3T	Ketki Ketkar	Cornell	17	0.739	94	80	+14
3T	Nicole Feygin	St. John's	16	0.696	101	74	+27
5	Montserrat Viveros	Ohio State	15	0.652	80	53	+27
6	Isabella Chin	Harvard	14	0.609	87	72	+15
7	Ariana Rausch	Princeton	14	0.609	90	79	+11
8	Mina Yamanaka	Columbia/Barnard	12	0.522	91	86	+5
9	Jessica Lin	Princeton	12	0.522	90	86	+4
10	Grace Hu	Pennsylvania	12	0.522	82	81	+1
11	Kateryna Chorniy	Penn State	11	0.478	88	85	+3
12	Irene Yeu	Stanford	11	0.478	75	75	+0
13	Christina Watrall	Air Force	11	0.478	93	94	-1
14	Jocelyn Ratzlaff	Air Force	11	0.478	77	86	-9
15	Renee Zuhars	U.C. San Diego	10	0.435	86	91	-5
16	Amanda Pirkowski	Notre Dame	10	0.435	80	85	-5
17	Yeva Mazur	Ohio State	10	0.435	77	85	-8
18	Michaela Joyce	Notre Dame	10	0.435	80	89	-9
19	Amanda O'Donnell	Yale	10	0.435	83	93	-10
20	Jaclyn Khrol	Penn State	10	0.435	85	97	-12
21	Karen Wang	Northwestern	10	0.435	83	97	-14
22	Rachel Kowalsky	Duke	8	0.348	69	97	-28
23	Elisa Treglia	St. John's	7	0.304	75	100	-25
24	Alexa Drovetsky	Yale	3	0.130	69	104	-35

OFFICIAL NCAA® CORPORATE PARTNERS



2024 NCAA Championships

Women's Epée

Final Table and Standings

Name	School	#	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	V	TS	TR	Ind	PI	
Yeva Mazur	Ohio State	1		0	3	0	V5	4	V5	V4	V5	2	2	V5	3	V5	1	3	V5	V5	3	V5	V5	2	1	4	10	77	85	-8	17	
Montserrat Viveros	Ohio State	2	V1		V5	0	2	V5	V5	V5	0	3	V5	V5	V5	V5	V5	1	V5	V2	V5	V3	V5	4	2	2	15	80	53	+27	5	
Mina Yamanaka	Columbia/Barnard	3	V5	3		3	V5	V5	2	V5	2	4	3	V5	4	V5	V5	3	2	4	V5	V5	V5	V4	2	V5	12	91	86	+5	8	
Tierna Oxenreider	Columbia/Barnard	4	V1	V5	V5		4	V5	1	3	V5	V5	V4	V4	1	V5	V5	V2	V5	2	0	V4	V5	V5	1	V5	16	82	57	+25	2	
Nicole Feygin	St. John's	5	2	V5	3	V5		3	V5	V5	V5	4	V5	V5	V5	4	V5	V5	3	2	V5	V5	V5	V5	V5	V5	16	101	74	+27	3T	
Elisa Treglia	St. John's	6	V5	1	0	4	V5		4	3	3	0	1	3	V5	4	V5	4	2	V5	V5	V5	4	4	1	2	7	75	100	-25	23	
Jessica Lin	Princeton	7	3	4	V5	V5	4	V5		4	V5	4	1	V5	V3	3	4	3	V5	V5	V5	V2	V5	3	2	V5	12	90	86	+4	9	
Ariana Rausch	Princeton	8	3	0	4	V5	1	V5	V5		V5	V5	V5	V5	V5	V5	3	V5	2	4	V4	V5	V5	1	V5	3	14	90	79	+11	7	
Jocelyn Ratzlaff	Air Force	9	3	V1	V5	1	3	V5	3	4		V5	3	3	1	V1	2	V5	V3	3	V5	V5	V5	4	V3	4	11	77	86	-9	14	
Christina Watrall	Air Force	10	V5	V4	V5	3	V5	V5	V5	2	4		V5	3	V5	V5	1	4	4	V5	4	V5	3	4	4	3	11	93	94	-1	13	
Kateryna Chorniy	Penn State	11	V5	2	V5	3	1	V5	V5	4	V4	4		V5	V5	1	3	V5	V5	3	V5	4	V5	3	2	4	11	88	85	+3	11	
Jaclyn Khrol	Penn State	12	4	1	3	3	4	V5	4	1	V5	V5	4		2	2	V4	V5	4	3	V5	V5	V5	V5	1	V5	10	85	97	-12	20	
Irene Yeu	Stanford	13	V5	3	V5	V2	2	0	2	3	V5	2	2	V5		2	V5	V5	V5	0	2	V5	3	V5	V5	2	11	75	75	+0	12	
Renee Zuhars	U.C. San Diego	14	4	2	4	1	V5	V5	V4	2	0	4	V5	V5	V3		V5	4	V5	4	V4	4	3	4	4	V5	10	86	91	-5	15	
Michaela Joyce	Notre Dame	15	V5	1	2	0	3	4	V5	V5	V5	V5	V4	3	1	4		V5	V5	V3	4	2	3	4	V5	2	10	80	89	-9	18	
Amanda Pirkowski	Notre Dame	16	V5	V3	V5	1	1	V5	V5	3	3	V5	2	4	3	V5	4		V5	3	V5	V5	4	1	3	0	10	80	85	-5	16	
Rachel Kowalsky	Duke	17	1	1	V3	0	V4	V5	3	V5	2	V5	4	V5	2	4	3	1		1	4	V5	3	1	V5	2	8	69	97	-28	22	
Grace Hu	Pennsylvania	18	3	1	V5	V5	V3	3	4	V5	V5	3	V5	V5	V1	V5	2	V5	V5		4	V5	3	3	2	0	12	82	81	+1	10	
Amanda O'Donnell	Yale	19	V5	1	1	V5	2	2	4	3	4	V5	2	4	V3	3	V5	4	V5	V5		V5	V5	3	2	V5	10	83	93	-10	19	
Alexa Drovetsky	Yale	20	1	2	4	3	3	4	1	1	4	4	V5	3	3	V5	V5	0	3	3	3		3	3	3	3	3	3	69	104	-35	24
Karen Wang	Northwestern	21	4	0	2	0	4	V5	3	3	3	V5	3	3	V4	V5	V5	V5	V5	V5	2	V5		4	V5	3	10	83	97	-14	21	
Ketki Ketkar	Cornell	22	V5	V5	3	2	3	V5	V4	V2	V5	V5	V5	3	4	V5	V5	V2	V5	V4	V5	V5	V5		V4	3	17	94	80	+14	3T	
Isabella Chin	Harvard	23	V5	V3	V5	V5	1	V5	V3	2	2	V5	V5	V5	2	V5	2	V4	4	V5	V5	V5	3	3		3	14	87	72	+15	6	
Emily Vermeule	Harvard	24	V5	V5	4	1	4	V5	4	V5	V5	V5	V5	4	V5	3	V5	V5	V5	V5	4	V5	V5	V5	V5		16	104	75	+29	1	